

- ・傘を差しながら乗ってはいけません。
- ・スマートフォンやイヤホンを使いながら乗ってはいけません。
- ・お酒を飲んで運転したり、1台の自転車に二人で乗ってはいけません。

(2) バス・電車

バス・電車（公共交通機関）に乗るときは、次のことを守りましょう。

- ・バス・電車を待つときは、列に並びましょう。
- ・大声で話したり、大きな音で音楽を聴くのはやめましょう。
- ・スマートフォンなどはマナーモードにして、通話をするのはやめましょう。



(3) 自動車・バイク

自動車・バイクを運転するときは、日本の運転免許が必要です。運転免許証を持っていないときは、運転してはいけません。

【3】 生活の手続き

I 引っ越し／暮らし



(1) 住民登録（市民課 ☎内線210）

日本に3か月より長く住む人は、住民登録が必要です。本人と一緒に住む家族が手続きをしてください。

住民登録すると市役所は住民票をつくりまします。住民票は、名前や住所、生まれた日、在留資格などが載っていて、本人や家族が住んでいることを証明できます。

(2) 転入（八潮市に住み始めるとき）（市民課 ☎内線210）

八潮市に引っ越した日から14日以内に「転入届」を出します。

必要なもの

- ・在留カードまたは特別永住者証明書
- ・パスポート（海外から転入するとき）
- ・転出証明書（八潮市外から八潮市内へ転入するとき）
- ・マイナンバーカード（持っている人のみ）

- Không cầm ô khi đi xe đạp.
- Không vừa đi xe đạp vừa sử dụng điện thoại thông minh hoặc tai nghe.
- Không được lái xe sau khi uống rượu, không được đi 2 người trên 1 chiếc xe đạp.

(2) Xe buýt, xe điện

Hãy tuân thủ những quy tắc sau đây khi đi xe buýt hoặc xe điện (phương tiện giao thông công cộng).

- Xếp hàng khi chờ xe buýt hoặc xe điện.
- Không nói chuyện lớn tiếng và nghe nhạc với âm lượng lớn.
- Hãy để điện thoại thông minh, v.v... ở chế độ im lặng và không nói chuyện điện thoại.



(3) Xe ô tô, xe máy

Khi lái xe ô tô hoặc xe máy, cần phải có giấy phép lái xe của Nhật Bản. Không được lái xe nếu bạn không có giấy phép lái xe.

[3] Thủ tục phục vụ đời sống sinh hoạt

1 Chuyển nhà/Đời sống sinh hoạt



(1) Đăng ký cư trú (Ban Cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 210)

Nếu bạn sống ở Nhật Bản trên 3 tháng, bạn cần đăng ký cư trú.

Hãy tự mình hoặc nhờ thành viên gia đình sống chung thực hiện thủ tục này.

Khi bạn đăng ký cư trú, tòa thị chính thành phố sẽ làm giấy đăng ký cư trú^{*1} cho bạn.

Giấy đăng ký cư trú có tên, địa chỉ, ngày sinh, tư cách lưu trú, v.v... của bạn,

và có thể chứng minh tình trạng sinh sống của bạn và gia đình bạn.

^{*1}: jūmin-hyō

(2) Chuyển đến (khi bắt đầu sinh sống tại thành phố Yashio)

(Ban Cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 210)

Bạn phải gửi “giấy báo chuyển đến”^{*1} trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển đến thành phố Yashio.

Những giấy tờ cần thiết

- Thẻ lưu trú^{*2} hoặc Thẻ chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt^{*3}
- Hộ chiếu (khi chuyển đến từ nước ngoài)
- Giấy xác nhận chuyển nhà đi^{*4} (khi từ bên ngoài thành phố Yashio chuyển đến thành phố Yashio)
- Thẻ My number (chỉ dành cho những người có thẻ)

^{*1}: tennyū-todoke ^{*2}: zairyū kādo ^{*3}: tokubetsu eijū-sha shōmei-sho ^{*4}: tenshutsu shōmei-sho

(3) 転出（八潮市から、他の市や海外に引っ越すとき）（市民課 ☎内線 210）

引っ越す前か、八潮市外に引っ越した日から14日以内に「転出届」を出します。

必要なもの	・在留カードまたは特別永住者証明書 ・マイナンバーカード（持っている人のみ）
-------	---

(4) 転居（八潮市内で引っ越すとき）（市民課 ☎内線 210）

引っ越した日から14日以内に「転居届」を出します。

必要なもの	・在留カードまたは特別永住者証明書 ・マイナンバーカード（持っている人のみ）
-------	---

(5) 印鑑登録（市民課 ☎内線 210）

家を買ったり、売ったりするような大事な契約のときは「実印」という印鑑（判子）を使います。
必要な人は、印鑑を登録してください。登録すると印鑑登録証がもらえます。印鑑登録証は、
印鑑登録証明書を発行するときに必要です。

対象	15歳以上で八潮市に住民登録している人
必要なもの	・顔写真付き本人確認書類（在留カード、特別永住者証明書など） ・登録する印鑑（判子）

※ゴムの印鑑や文字が読めない印鑑は登録できません。

(6) 証明書が欲しいとき（市民課 ☎内線 210）

住民票の写しや、印鑑登録証明書などが欲しいときは、申請してください。

必要なもの	・顔写真付き本人確認書類（在留カード、特別永住者証明書など） ・手数料（書類によって金額が違います。住民票の写しは1通200円です。） ・印鑑登録証（印鑑登録証明書が欲しいとき）
-------	---

※戸籍謄（抄）本などは、本籍がある場所の役所で申請してください。

※戸籍届出受理証明書などは、届出した場所の役所で申請してください。

(7) マイナンバーカード（企画経営課 ☎内線 310）

日本では、全ての住民がマイナンバー（12桁の番号）を持っています。

マイナンバーカードは、マイナンバーや名前、住所、生まれた日、顔写真が載っていて、

本人確認書類として使えます。

マイナンバーカードを持っていない人は、住民票の写しなどでマイナンバーを確認できます。

(3) Chuyển đi (khi từ thành phố Yashio chuyển nhà sang thành phố khác hoặc nước ngoài)

(Ban Cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 210)

Bạn phải nộp “giấy báo chuyển đi”^{*1} trong vòng 14 ngày kể từ ngày trước khi chuyển nhà hoặc ngày chuyển ra khỏi thành phố Yashio.

Những giấy tờ cần thiết	• Thẻ lưu trú^{*2} hoặc Thẻ chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt^{*3} • Thẻ My number (chỉ dành cho những người có thẻ)
-------------------------	--

*1: tenshutsu-todoke *2: zairyū kado *3: tokubetsu eijū-sha shōmei-sho

(4) Chuyển chỗ ở (khi chuyển nhà trong thành phố Yashio)

(Ban Cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 210)

Bạn phải nộp “giấy báo chuyển chỗ ở”^{*1} trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển nhà.

Những giấy tờ cần thiết	• Thẻ lưu trú^{*2} hoặc Thẻ chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt^{*3} • Thẻ My number (chỉ dành cho những người có thẻ)
-------------------------	--

*1: tenkyo-todoke *2: zairyū kado *3: tokubetsu eijū-sha shōmei-sho

(5) Đăng ký con dấu (Ban Cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 210)

Đối với những hợp đồng quan trọng như mua bán nhà, phải sử dụng con dấu gọi là “dấu chứng thực”^{*1}. Những ai cần đến con dấu, vui lòng thực hiện đăng ký con dấu. Khi bạn đăng ký, bạn sẽ nhận được thẻ đăng ký con dấu^{*2}. Chúng tôi sẽ cần đến thẻ đăng ký con dấu khi cấp phát giấy chứng nhận con dấu đăng ký^{*3}.

Đối tượng	Những người từ 15 tuổi trở lên đã đăng ký cư trú tại Thành phố Yashio
Những giấy tờ cần thiết	• Giấy tờ tùy thân có ảnh khuôn mặt (Thẻ chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt^{*4}, thẻ lưu trú^{*5}, giấy phép lái xe, hộ chiếu, v.v...) • Con dấu đã đăng ký

* Không thể đăng ký đối với con dấu cao su và con dấu không đọc được chữ.

*1: jitsuin *2: inkan tōroku-shō *3: inkan tōroku shōmei-sho *4: tokubetsu eijū-sha shōmei-sho *5: zairyū kado

(6) Khi bạn muốn có giấy chứng nhận (Ban Cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 210)

Vui lòng đăng ký nếu bạn muốn lấy bản sao giấy đăng ký cư trú^{*1} hoặc giấy chứng nhận con dấu đăng ký^{*2}, v.v...

Những giấy tờ cần thiết	• Giấy tờ tùy thân có ảnh khuôn mặt (Thẻ chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt^{*3}, thẻ lưu trú^{*4}, v.v...) • Lệ phí (số tiền sẽ khác nhau tùy thuộc vào loại giấy tờ cần cấp. Bản sao giấy đăng ký cư trú là 200 yên/bản.) • Thẻ đăng ký con dấu^{*5} (nếu muốn nhận giấy chứng nhận con dấu đăng ký)
-------------------------	--

* Đối với bản sao sổ hộ khẩu^{*6} hoặc trích lục sổ hộ khẩu^{*7}, v.v..., vui lòng đăng ký tại tòa thị chính nơi bạn có hộ khẩu.

* Đối với giấy chứng nhận đã tiếp nhận giấy báo về hộ khẩu^{*8}, v.v..., vui lòng đăng ký tại tòa thị chính nơi nộp giấy báo.

*1: jūmin-hyō *2: inkan tōroku shōmei-sho *3: tokubetsu eijū-sha shōmei-sho *4: zairyū kado *5: inkan tōroku-shō *6: koseki tōhon *7: koseki shōhon *8: koseki todokede juri shōmei-sho

(7) Thẻ My Number (Ban Quản lý kế hoạch ☎ Số nội bộ 310)

Ở Nhật Bản, tất cả cư dân đều có số My Number (số gồm 12 chữ số). Thẻ My Number có ghi mã số cá nhân, họ tên, địa chỉ, ngày sinh và ảnh khuôn mặt, có thể sử dụng làm giấy tờ tùy thân. Nếu bạn không có thẻ My Number, bạn có thể xác nhận số My Number bằng bản sao giấy đăng ký cư trú^{*1}, v.v...

*1: jūmin-hyō



(1) 結婚・離婚するとき、死亡したとき（市民課 ☎内線 210）

けっこん 結婚	こんいんとどけ ていしゅつ こんいんとどけ しやくしよ ○婚姻届を提出します。（婚姻届は市役所でもらえます。） おっと つま ていしゅつ ○夫または妻が提出します。 ひつよう 【必要なもの】 こんいんとどけ しょうにんらん せいじん ふたり しょうめい ひつよう ・婚姻届（証人欄に成人2人の署名が必要です。） かお じゃしん つ ほんにん かくにん しょうい ざいりゅう とくべつえいじゅうしゃしょうめいしよ ・顔写真付き本人確認書類（在留カード、特別永住者証明書など） こせき どうほん にほん こくせき ばあい ・戸籍謄本（日本国籍の場合） こんいん しょうめいしよ くに ちが ・婚姻することができる証明書（国によって違います。） てつづ ひつよう しょうい こくせき ちが ※手続きに必要な書類は国籍などによって違います。 てつづ まえ しみん か かくにん 手続きする前に市民課に確認してください。
りこん 離婚	りこん とどけ ていしゅつ りこん とどけ しやくしよ ○離婚届を提出します。（離婚届は市役所でもらえます。） おっと つま もうしたてにん さいばん りこん ばあい ていしゅつ ○夫または妻、申立人（裁判離婚の場合）が提出します。 ひつよう 【必要なもの】 りこん とどけ しょうにんらん せいじん ふたり しょうめい ひつよう ・離婚届（証人欄に成人2人の署名が必要です。） いんかん はんこ ・印鑑（判子） かお じゃしん つ ほんにん かくにん しょうい ざいりゅう とくべつえいじゅうしゃしょうめいしよ ・顔写真付き本人確認書類（在留カード、特別永住者証明書など） こせき どうほん にほん こくせき ばあい ・戸籍謄本（日本国籍の場合） じゅうみんひょう うつ ・住民票の写し てつづ ひつよう しょうい こくせき ちが ※手続きに必要な書類は国籍などによって違います。 てつづ まえ しみん か かくにん 手続きする前に市民課に確認してください。
しぼう 死亡	しぼう ひ なのか いなひ しぼうとどけ ていしゅつ ○死亡した日から7日以内に死亡届を提出します。 かぞく おな いえ す ひと ていしゅつ ○家族や、同じ家に住んでいた人などが提出します。 ひつよう 【必要なもの】 しぼうとどけ しぼう しんだん しょ ひつよう いりようきかん ・死亡届（死亡診断書が必要です。医療機関でもらえます。） いんかん はんこ ・印鑑（判子）

※この他の必要な手続きは、本国の大使館などに確認してください。



(1) Khi kết hôn hoặc ly hôn, khi qua đời (Ban Cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 210)

Kết hôn	○ Nộp giấy đăng ký kết hôn (<i>kon'in-todoke</i>). (Có thể nhận giấy đăng ký kết hôn tại tòa thị chính thành phố.) ○ Chồng hoặc vợ nộp đơn. [Những giấy tờ cần thiết] • Giấy đăng ký kết hôn (<i>kon'in-todoke</i>) (cần có chữ ký của 2 người trưởng thành trong cột người làm chứng) • Giấy tờ tùy thân có ảnh khuôn mặt (thẻ lưu trú (<i>zairyū kādo</i>), thẻ chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt (<i>tokubetsu eijū-sha shōmei-sho</i>), v.v...) • Bản sao hộ khẩu (<i>koseki tōhon</i>) (trường hợp có quốc tịch Nhật Bản) • Giấy chứng nhận có thể kết hôn (tùy theo quốc gia.) * Giấy tờ cần thiết để làm thủ tục sẽ khác nhau tùy theo quốc tịch, v.v... Vui lòng xác nhận với Ban Cư dân thành phố trước khi thực hiện thủ tục.
Ly hôn	○ Nộp giấy thông báo ly hôn (<i>rikon-todoke</i>) (có thể nhận giấy thông báo ly hôn tại tòa thị chính thành phố). ○ Chồng hoặc vợ, người đệ đơn (trong trường hợp ly hôn theo xét xử). [Những giấy tờ cần thiết] • Giấy thông báo ly hôn (<i>rikon-todoke</i>) (cần có chữ ký của 2 người trưởng thành trong cột người làm chứng) • Con dấu • Giấy tờ tùy thân có ảnh khuôn mặt (thẻ lưu trú (<i>zairyū kādo</i>), thẻ chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt (<i>tokubetsu eijū-sha shōmei-sho</i>), v.v...) • Bản sao hộ khẩu (<i>koseki tōhon</i>) (trường hợp có quốc tịch Nhật Bản) • Bản sao giấy đăng ký cư trú (<i>jūmin-hyō</i>) * Giấy tờ cần thiết để làm thủ tục sẽ khác nhau tùy theo quốc tịch, v.v... Vui lòng xác nhận với Ban Cư dân thành phố trước khi thực hiện thủ tục.
Qua đời	○ Nộp giấy báo tử (<i>shibō-todoke</i>) trong vòng 7 ngày kể từ ngày người thân qua đời. ○ Gia đình hoặc người sống chung nhà, v.v... sẽ nộp giấy này. [Những giấy tờ cần thiết] • Giấy báo tử (<i>shibō-todoke</i>) (Bắt buộc phải có giấy chứng tử (<i>shibō shindansho</i>). Có thể lấy tại cơ sở y tế) • Con dấu

* Về các thủ tục cần thiết khác, vui lòng xác nhận với Đại sứ quán, v.v... tại quốc gia đang mang quốc tịch.

(2) 八潮市パートナーシップ宣誓制度（人権・男女共同参画課 ☎内線 811）

性的少数者（LGBTQ）が、お互いに、相手を人生のパートナーとして協力し合うことを誓ったとき、市役所は「パートナーシップ宣誓証明書」と「パートナーシップ宣誓証明カード」を渡しています。

3

医療保険



(1) 医療保険制度（国保年金課 ☎内線 214）

日本では、全ての住民が公的医療保険制度に加入して、保険料を払います。

公的医療保険に加入していると、医療機関を受診したときに払うお金が少なくなります。

（収入などによって、払うお金の割合が変わります。）

医療保険には、①健康保険（社会保険）、②後期高齢者医療制度、③国民健康保険があります。

医療保険の種類	対象
①健康保険（社会保険）	会社などで働いている人 ※加入できるか会社などに確認してください。
②後期高齢者医療制度	・ 75歳以上の人 ・ 65歳以上で一定の障がい認定を受けた人 ※加入できるか市役所に確認してください。
③国民健康保険	日本に3か月より長く住む人で、次のa～fの <u>全てに当てはまらない人</u> a. 「特定活動」の在留資格のうち、医療目的で滞在する人 b. ①健康保険（社会保険）に加入している人 c. ②後期高齢者医療制度に加入している人 d. 生活保護を受けている人 e. 中国在留邦人に対する支援給付を受けている人 f. 日本と医療保険を含む社会保障協定を結んでいる国の人で、 本国政府から社会保障加入証明書をもらっている人

(2) Chế độ tuyên thệ mối quan hệ đồng giới thành phố Yashio

(Ban Nhân quyền và bình đẳng giới ☎ Số nội bộ 811)

Khi người thuộc các nhóm thiểu số giới tính (LGBTQ) đã tuyên thệ rằng công nhận đối phương là bạn đời và đồng hành với nhau, tòa thị chính thành phố sẽ trao cho họ “Giấy tờ chứng nhận tuyên thệ cho mối quan hệ đồng giới” và “Thẻ chứng nhận tuyên thệ cho mối quan hệ đồng giới”.

3 Bảo hiểm y tế



(1) Chế độ bảo hiểm y tế

(Ban Trợ cấp và bảo hiểm sức khỏe quốc gia ☎ Số nội bộ 214)

Tại Nhật Bản, tất cả người dân đều tham gia chế độ bảo hiểm y tế công và đóng phí bảo hiểm. Nếu bạn có tham gia bảo hiểm y tế công, bạn sẽ phải trả chi phí ít hơn khi đến khám tại cơ sở y tế. (Tỷ lệ chi phí sẽ thay đổi tùy thuộc vào thu nhập, v.v...) Bảo hiểm y tế bao gồm ① Bảo hiểm sức khỏe (bảo hiểm xã hội), ② Chế độ y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau, và ③ Bảo hiểm sức khỏe quốc gia.

Các loại bảo hiểm y tế	Đối tượng
① Bảo hiểm sức khỏe (bảo hiểm xã hội)	Người làm việc trong công ty v.v... * Vui lòng xác nhận với công ty, v.v... của bạn để xem liệu bạn có thể tham gia hay không.
② Chế độ y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau	• Người từ 75 tuổi trở lên • Người từ 65 tuổi trở lên đã được chứng nhận khuyết tật nhất định * Vui lòng xác nhận với tòa thị chính thành phố để xem bạn có thể tham gia hay không.
③ Bảo hiểm sức khỏe quốc gia	Người đã sống ở Nhật Bản trên 3 tháng và <u>không đáp ứng được tất cả các điều từ a đến f sau đây</u> a. Người lưu trú vì mục đích y tế trong tư cách cư trú của “hoạt động đặc định” b. ① Người đang tham gia bảo hiểm sức khỏe (bảo hiểm xã hội) c. ② Người đang tham gia chế độ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi giai đoạn sau d. Người đang nhận hỗ trợ sinh hoạt (<i>seikatsu hogo</i>) e. Người đang nhận trợ cấp hỗ trợ cho cư dân Nhật Bản tại Trung Quốc f. Người đến từ một quốc gia có thỏa thuận an sinh xã hội với Nhật Bản, trong đó có bao gồm bảo hiểm y tế, và người đã nhận được giấy chứng nhận đăng ký tham gia an sinh xã hội từ chính phủ của quốc gia đang mang quốc tịch.



(1) 税金

日本の税金には、国税と地方税があります。地方税には、都道府県が集める都道府県税と、市町村が集める市町村税があります。

(2) 市民税・県民税（住民税）（市民税課 ☎内線 206）

1月1日に八潮市に住所がある人が、前の年の1月1日から12月31日にもらった給与などにかかる税金です。

※収入がない人や給与ではない収入がある人は、前の年の収入の状況を市役所または税務署に申告してください。

(3) 軽自動車税（市民税課 ☎内線 410）

4月1日に、原動機付自転車・軽自動車などを持っている人にかかる税金です。
原動機付自転車・軽自動車などを買ったり捨てたり、譲るときは手続きしてください。



(4) 固定資産税・都市計画税（資産税課 土地係 ☎内線 205、家屋・償却資産係 ☎内線 302）

固定資産税は、1月1日に、八潮市に土地や家、償却資産（仕事で使う機械など）を持っている人にかかる税金です。土地や家が市街化区域にある場合は、都市計画税もかかります。
償却資産を持っている人は、申告してください。

(5) 国民健康保険税（国保年金課 ☎内線 833）

国民健康保険税は、国民健康保険に加入している人にかかる税金です。世帯の人数や収入によって金額が違います。

(6) 納税（納税課 ☎内線 207）

税金は、納税通知書に載っている金融機関（銀行）やコンビニエンスストア、電子マネーで払うことができます。必ず期限までに払いましょう。

4 Tiền thuế/Tiền trợ cấp quốc gia



(1) Tiền thuế

Tiền thuế của Nhật Bản bao gồm thuế quốc gia và thuế địa phương. Thuế địa phương bao gồm thuế tỉnh do các tỉnh thành thu, và thuế thành phố, thị trấn, làng xã do chính quyền địa phương thu.

(2) Thuế cư dân thành phố/Thuế cư dân tỉnh (thuế cư dân)

(Ban Thuế cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 206)

Đây là loại thuế đánh vào tiền lương, v.v... từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 của năm trước của người có địa chỉ sinh sống tại thành phố Yashio tính đến ngày 1/1.

* Đối với những người không có thu nhập hoặc có thu nhập ngoài khoản tiền lương, vui lòng khai báo tình hình thu nhập của năm trước với tòa thị chính thành phố hoặc cơ quan thuế.

(3) Thuế xe ô tô hạng nhẹ

(Ban Thuế cư dân thành phố ☎ Số nội bộ 410)

Đây là loại thuế đánh vào người có xe đạp gắn động cơ, xe ô tô hạng nhẹ, v.v... tính đến ngày 1/4.

Vui lòng thực hiện thủ tục khi mua, vứt bỏ hoặc nhượng lại xe đạp gắn động cơ, xe ô tô hạng nhẹ, v.v...



(4) Thuế tài sản cố định/Thuế quy hoạch đô thị

(Phòng Đất đai Ban Thuế tài sản ☎ Số nội bộ 205;

Phòng Tài sản khấu hao, nhà ở ☎ Số nội bộ 302)

Thuế tài sản cố định là loại thuế đánh vào những người sở hữu đất đai, nhà ở và tài sản khấu hao trong thành phố Yashio tính đến ngày 1/1. Trường hợp đất đai hoặc nhà ở nằm trong khu vực đô thị hóa, người nộp thuế sẽ bị tính thêm thuế quy hoạch đô thị.

Người sở hữu tài sản khấu hao vui lòng thực hiện khai báo.

(5) Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc gia

(Ban Trợ cấp và bảo hiểm sức khỏe quốc gia ☎ Số nội bộ 833)

Thuế bảo hiểm sức khỏe quốc gia là loại thuế đánh vào những người đang tham gia bảo hiểm sức khỏe quốc gia. Số tiền sẽ thay đổi tùy thuộc vào số người trong hộ gia đình và mức thu nhập.

(6) Nộp thuế (Ban Nộp thuế ☎ Số nội bộ 207)

Có thể nộp thuế tại các tổ chức tài chính, cửa hàng tiện lợi hoặc hệ thống thanh toán thương mại điện tử như đã ghi trên giấy thông báo nộp thuế. Vui lòng thanh toán đúng thời hạn nộp.